

Số: 17/2023/QĐST-HNGĐ

Bạch Thông, ngày 19 tháng 4 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 18/2023/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2023 giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Trịnh Thị N** - Sinh năm 1987;

Trú tại: Tổ 18, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

- Bị đơn: Anh **Hà Văn H** - Sinh năm 1989;

Trú tại: Thôn N, xã Q, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212, Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 4 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 4 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị **Trịnh Thị N** và anh **Hà Văn H**.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Trịnh Thị N** và anh **Hà Văn H** thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Giao con chung Hà Văn H1, sinh ngày 26 tháng 01 năm 2022 cho chị Trịnh Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi.

Sau ly hôn, anh Hà Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Trịnh Thị N không yêu cầu anh Hà Văn H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

2.4. Về tài sản chung: Chị Trịnh Thị N và anh Hà Văn H không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về vay nợ chung: Chị Trịnh Thị N và anh Hà Văn H không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.6. Về án phí: Chị Trịnh Thị N tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị N đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000598 ngày 07/4/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bạch Thông. Chị N được trả lại 150.000 đồng.

Anh H không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện Bạch Thông;
- Chi cục THADS huyện Bạch Thông;
- Các đương sự;
- UBND phường S, thành phố B (nơi ĐKKH);
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thế Doanh